TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày: 08-01-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sơn.
2. Bà Lê Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Đức Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 313/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2024/HSST-QĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2024/HSSTT-QĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Nguyễn Gia B, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 225/3 tổ E, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: 67 ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Kiều Yến L; Bị cáo có vợ là Lê Thanh H và 01 con (sinh năm 2013); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2024 đến ngày 26/4/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1970.

Nơi thường trú: D L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1976.

Nơi thường trú: 3 Q, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T và bà K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 17/4/2024, tổ công tác 363 (số F) Công an Thành phố H làm nhiệm vụ tuần tra trên địa bàn xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, khi đến trước nhà số A N, xã T, huyện H thì phát hiện Phạm Nguyễn Gia B điều khiển xe gắn máy biển số 59G2-423.43 có biểu hiện nghi vấn nên dừng phương tiện kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trong điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím của B có dấu hiệu cho vay lãi nặng nên Tổ công tác đưa B về Công an xã T để làm rõ sự việc. Quá trình điều tra xác định:

Từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024, trên địa bàn huyện H, Phạm Nguyễn Gia B sử dụng số tiền 100.000.000 đồng cho Bùi Hữu T và Nguyễn Thị Thúy K (vợ T) vay tiền dưới hình thức vay tiền đứng với lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Hình thức vay tiền đứng là mỗi kỳ đóng tiền lãi thì chỉ cần đóng tiền lãi trước, tiền gốc giữ nguyên khi nào có tiền gốc mới trả. Lãi suất do người cho vay và người vay thỏa thuận. Việc vay tiền có thể thế chấp tài sản hoặc không cần thế chấp. Cụ thể:

Lần thứ 01: Vào ngày 09/01/2023, B cho Bùi Hữu T vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức trả lãi đứng, với lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Đến tháng 4/2023, T trả hết tiền gốc và lãi cho B, Bảo thu của T số tiền lãi 03 tháng là 4.500.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 500.000 đồng, thu lợi bất chính 4.000.000 đồng.

Lần thứ 02: Vào ngày 17/6/2023, B cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức trả lãi đứng, với lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Đến tháng 12/2023, B thu của T số tiền lãi 06 tháng là 18.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính 16.000.000 đồng.

Lần thứ 03: Vào ngày 22/6/2023 B cho T vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức trả lãi đứng, với lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Đến tháng 12/2023, B thu của T số tiền lãi 06 tháng là 9.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.000.000 đồng, thu lợi bất chính 8.000.000 đồng.

Lần thứ 04: Vào ngày 24/6/2023, B cho T vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức trả lãi đứng, với lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Đến tháng 12/2023, B thu của T số tiền lãi 06 tháng là 9.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.000.000 đồng, thu lợi bất chính 8.000.000 đồng.

Lần thứ 05: Vào ngày 09/7/2023, B cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức trả lãi đứng, với lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Đến tháng 12/2023, B thu của T số tiền lãi 05 tháng là 15.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.666.667 đồng, thu lợi bất chính 13.333.333 đồng.

Lần thứ 06: Vào ngày 27/7/2023, B cho T vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức trả lãi đứng, với lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Đến tháng 12/2023, B thu của T số tiền lãi 05 tháng là 7.000.000 đồng (B cho lại Tín 500.000 đồng), trong đó tiền lãi hợp pháp là 833.333 đồng, thu lợi bất chính 6.166.667 đồng.

Lần thứ 07: Vào ngày 11/8/2023, B cho Nguyễn Thị Thúy K (vợ T) vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức trả lãi đứng, với lãi suất 15%/tháng (180%/năm). Đến tháng 11/2023, K trả cho B tiền lãi 1,5 tháng là 4.500.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 500.000 đồng, thu lợi bất chính 4.000.000 đồng) và đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng để trả tiền gốc cho B nhưng do cần tiền nên T đã vay B số tiền trên và không đóng lãi.

Kể từ tháng 12/2023 do làm ăn khó khăn nên T có đóng lời cho B 2 lần số tiền 10.000.000 đồng cho các khoản đã mượn chưa trả, T nói với B là không còn tiền để đóng lãi nữa và cho T được trả lại tiền gốc thì B đồng ý. Tổng cộng T còn nợ B số tiền gốc là 90.000.000 đồng. Đến đầu tháng 04/2024 thì T trả tiền gốc cho B được 35.000.000 đồng, còn nợ lại của B số tiền là 55.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi B thu được từ Bùi Hữu T và Nguyễn Thị Thúy K là 77.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 17.500.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 59.500.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình buôn bán, do cần tiền nên Trần Lệ T1 có vay của bảo 02 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất, vào ngày 30/01/2024, T1 vay của B số tiền 20.000.000 đồng. B không thỏa thuận lãi suất cụ thể với T1 là bao nhiêu nhưng với số tiền gốc 20.000.000 đồng thì B thu số tiền lãi là 1.500.000 đồng/tháng. T1 đã đã đóng cho B 02 lần tiền lãi tổng cộng số tiền 3.000.000 đồng. Đến tháng 03/2024 thì Thu thanh T2 hết số tiền gốc 20.000.000 đồng nêu trên cho B.

Lần thứ 2, khoảng tháng 03/2024, T1 vay của B số tiền 10.000.000 đồng, mỗi tháng thỏa thuận trả 750.000 đồng tiền lãi nhưng đến nay T1 chưa có đóng

cho B số tiền nào. T1 xác định còn thiếu nợ của B số tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 750.000 đồng.

Tổng số tiền B cho Trần Lệ T1 vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 7.5%/tháng, tương đương 90%/năm, tổng lãi đã thu được 3.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng hoạt động).

- 01 (một) xe gắn máy biển số 59G2 - 423.43; số máy: JF73E007483, số khung: RLHJFZ7301GY075356. Qua xác minh chủ sở hữu là ông Phạm Minh C (cha ruột của Phạm Nguyễn Gia B) cho B sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe gắn máy trên cho Phạm Nguyễn Gia B quản lý, sử dụng.

- 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Nguyễn Gia B. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Phạm Nguyễn Gia B quản lý, sử dụng.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số 59G2 - 423.43 mang tên Phạm Minh C (là cha ruột B). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Phạm Nguyễn Gia B quản lý, sử dụng.

- 01 (một) con dao xếp dài khoảng 18cm bằng kim loại là dụng cụ Bảo hành nghề mai táng, dùng để cắt tỉa hoa, không sử dụng vào mục đích gây thương tích nên không có căn cứ để xử lý B về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Phạm Nguyễn Gia B quản lý, sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 244/CT-VKSHM ngày 09/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phạm Nguyễn Gia B về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Nguyễn Gia B khai nhận hành vi như nội dung cáo trạng truy tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ đều khai nhận về số tiền vay, lãi suất, số tiền đã trả, nợ gốc phù hợp Cáo trạng và lời khai của bị cáo. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền lãi vượt quá lãi suất quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và

đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn Gia B phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Đề nghị phạt tiền bị cáo Phạm Nguyễn Gia B từ 60 (sáu mươi) triệu đồng đến 80 (tám mươi) triệu đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo Phạm Nguyễn Gia B nộp lại số tiền dùng để cho vay mà người vay đã trả là 45.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc ông Bùi Hữu T nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả là 55.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Phạm Nguyễn Gia B nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự bị cáo đã thu của ông T, bà K là 7.500.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đề nghị buộc bị cáo Phạm Nguyễn Gia B trả cho ông Bùi Hữu T, bà Nguyễn Thị Thúy K tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thực tế thu là 59.500.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án:

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 01/2023 đến tháng 03/2024, trên địa bàn huyện H, Phạm Nguyễn Gia B đã có hành vi cho Bùi Hữu T, Nguyễn Thị Thúy K vay tổng số tiền là 100.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng (180%/năm) cao gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Trong đó, tổng số tiền lãi B thu được là 77.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 17.500.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 59.500.000 đồng, số tiền gốc B đã thu được là 45.000.000 đồng, còn lại tổng số tiền gốc 55.000.000 đồng ông T vay B chưa thu được.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Nguyễn Gia B đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử bị cáo theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, nên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý nên cần có một hình phạt tương xứng để răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, mục đích phạm tội, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 mà bị cáo B đã thu của ông T, bà K là 17.500.000 đồng, buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính là 59.500.000 đồng mà bị cáo B đã thực tế thu, buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền là ông Bùi Hữu T và bà Nguyễn Thị Thúy K. Cụ thể, buộc bị cáo B trả cho ông Bùi Hữu T số tiền 55.500.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Thúy K số tiền 4.000.000 đồng là phù hợp.

- Đối với số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là 100.000.000 đồng (trong đó, cho Bùi Hữu T vay 06 lần tổng số tiền 80.000.000 đồng, cho Nguyễn Thị Thúy K vay 01 lần số tiền 20.000.000 đồng. Nguyễn Thị Thúy K đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng cho B nhưng B cho T vay lại không đóng lãi. Bùi Hữu T đã trả cho bị cáo tổng số tiền 45.000.000 đồng, còn nợ 55.000.000 chưa trả). Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội:

+ Cần buộc bị cáo B nộp lại số tiền người vay đã trả là 45.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

+ Cần buộc ông Bùi Hữu T nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả là 55.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng hoạt động), bị cáo sử dụng trao đổi với người vay tiền về việc vay và trả tiền, do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

- 01 (một) xe gắn máy biển số 59G2 - 423.43; số máy: JF73E007483, số khung: RLHJFZ7301GY075356. Qua xác minh chủ sở hữu là ông Phạm Minh C (cha ruột của Phạm Nguyễn Gia B) cho B sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe gắn máy trên cho Phạm Nguyễn Gia B quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Nguyễn Gia B. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Phạm Nguyễn Gia B quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số 59G2 - 423.43 mang tên Phạm Minh C (là cha ruột B). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Phạm Nguyễn Gia B quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) con dao xếp dài khoảng 18cm bằng kim loại là dụng cụ Bảo hành nghề mai táng, dùng để cắt tỉa hoa, không sử dụng vào mục đích gây thương tích nên không có căn cứ để xử lý B về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Phạm Nguyễn Gia B quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với việc Phạm Nguyễn Gia B cho Trần Lệ T1 vay tiền 02 lần tổng số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 7.5%/tháng, tương đương 90%/năm, tổng lãi đã thu được 3.000.000 đồng. Lãi suất cho vay không gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015.

[10] Đối với người tên "A S" không rõ lai lịch, B khai nhận do T nhiều lần chậm trả lãi, T là chỗ quen biết với ba mẹ nên B không thể hối thúc trả nợ được, B có kể cho S nghe và nhờ S gặp T để T tưởng rằng người cho mượn tiền là S để T thu xếp trả nợ. Tuy nhiên S không đi cùng B nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Gia B số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ vào: Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

1. Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Phạm Nguyễn Gia B nộp lại số tiền lãi đã thu là 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Nguyễn Gia B nộp lại số tiền gốc là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Buộc ông Bùi Hữu T nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Phạm Nguyễn Gia B trả lại cho ông Bùi Hữu T số tiền thu lợi bất chính là 55.500.000 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) và trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy K số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax màu tím (đã qua sử dụng, không rõ tình trạng hoạt động).

Vật chứng nêu trên hiện đang giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn theo Quyết định chuyển vật chứng số 213/QĐ-VKS-HS ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/9/2024.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về án phí: Bị cáo Phạm Nguyễn Gia B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Căn cứ vào: Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.